

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2021
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thiều Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hải Đường;
2. Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 698/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1980. Địa chỉ cư trú: Nhà số 725, tổ 06, ấp Lộc Thuận, xã Lộc N, Huyện Dương Minh, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn S; sinh năm: 1979. Địa chỉ cư trú: Nhà số 725, tổ 06, ấp Lộc Thuận, xã Lộc N, Huyện Dương Minh, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26-11-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm sống, vợ

chồng thường xuyên cãi nhau nên ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Bị đơn anh Lê Văn S trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, mâu thuẫn do vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Có 01 con tên Lê Thị Phương T, sinh ngày 24-7-2000. Hiện con đã thành niên, tự lao động sinh sống được không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh có ý kiến như sau:

Về Tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về Tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị H và anh S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn đối chiếu theo quy định của pháp luật thì không công nhận là vợ chồng. Về con chung: Con tên Lê Thị Phương T, sinh ngày 24-7-2000. Hiện con đã thành niên, tự lao động sinh sống được không đặt ra yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về nội dung: Chị H và anh S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định”; Điều 9 quy định “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của

Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý” và tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 còn quy định “... Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Con tên Lê Thị Phương T, sinh ngày 24-7-2000. Hiện con đã thành niên, tự lao động sinh sống được không đặt ra yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đề nghị không công nhận quan hệ hôn nhân của chị H và anh S là vợ chồng. Về con chung: Con tên Lê Thị Phương T, sinh ngày 24-7-2000. Hiện con đã thành niên, tự lao động sinh sống được không đặt ra yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: chị H phải chịu theo quy định pháp luật; Hội đồng xét xử thấy đề nghị này có cơ sở chấp nhận.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn S là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Con tên Lê Thị Phương T, sinh ngày 24-7-2000. Hiện con đã thành niên, tự lao động sinh sống được không đặt ra yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005333 ngày 01-12-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THA Huyện DMC;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**